

Bản án số: 99/2021/HS-PT
Ngày: 29-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thịnh

Các thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo - Thư ký Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa: Ông Trần A Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 281/2020/TLPT-HS ngày 13 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo Đoàn Văn P và các bị cáo khác.

Do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 167/2020/HS-ST ngày 08/6/2020 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1. **Đoàn Văn P**, giới tính: Nam; sinh ngày 30 tháng 12 năm 1968 tại Bến Tre; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: , tỉnh Bến Tre; chỗ ở: số , tỉnh Bến Tre; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; nghề nghiệp: công chức; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Đoàn Văn S và bà: Phan Thị P; vợ: Nguyễn Thị T và có 01 người con (sinh năm 2001); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/11/2018 – có mặt.

2. **Trương Văn E**, giới tính: Nam; sinh ngày 24 tháng 12 năm 1969 tại Bến Tre; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; chỗ ở: số , Phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc:

Kinh; tôn giáo: không; đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; nghề nghiệp: Công chức; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Trương Văn Đ và bà: Mai Thị N; vợ: Võ Thị Quốc H và có 02 người con (lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2005); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/11/2018 đến ngày 04/11/2020 được tại ngoại – có mặt.

3. Trần Thị Thùy T, giới tính: Nữ; sinh ngày 15 tháng 10 năm 1982 tại Bến Tre; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: s tỉnh Bến Tre; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; nghề nghiệp: công chức; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Trần Văn M và bà: Lê Thị C; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

4. Trần Thanh P; giới tính: Nam; sinh ngày 19 tháng 9 năm 1983, tại Bến Tre; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: , tỉnh Bến Tre; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; nghề nghiệp: công chức; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Trần Văn L và bà: Nguyễn Thị T; vợ: Nguyễn Thị Thanh T và có 01 người con (sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: không; bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

5. Dương Tuấn A, giới tính: Nam; sinh ngày 15 tháng 7 năm 1981, tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: , thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; nghề nghiệp: nhân viên; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Dương Ngô T và bà: Nguyễn Thành Nữ H; vợ: Trần Thị Tuyết Q và có 02 người con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/8/2018 – có mặt.

6. Hà Chí Đ; giới tính: Nam; sinh ngày 12 tháng 6 năm 1983 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: , Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Phật giáo; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: nhân viên; con ông: Hà Thái H và bà: Tô Ái H; vợ: Nguyễn Ngọc A và có 03 người con (lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

7. Trần Thị H; giới tính: Nữ; sinh ngày 10 tháng 8 năm 1993, tại Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: nhân viên; con ông: Nguyễn Hữu H và bà: Võ Thị L;

chồng: Nguyễn Văn N và có 01 người con (sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

+ Người bào chữa cho bị cáo Trương Văn E: Luật sư Đỗ Thị Thanh Tâm, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh - có mặt.

Địa chỉ: 309 Bùi Hữu Nghĩa, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Thùy T: Luật sư Phạm Quốc Hưng, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh - có mặt.

+ Người bào chữa cho bị cáo Trần Thanh P: Luật sư Nguyễn Nghệ An - Luật sư, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh - có mặt.

+ Người bào chữa cho bị cáo Dương Tuấn A: Luật sư Đỗ Trần Mai A, Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội - có mặt.

+ Người bào chữa cho bị cáo Hà Chí Đ: Luật sư Trần Thị Ngân Hà, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh - có mặt.

Địa chỉ: 702 Tòa nhà Khang Thông, 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị H: Luật sư Nguyễn Thanh Biên, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh - có mặt.

Địa chỉ: 459 Hai Bà Trưng, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hành vi “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”:

Đoàn Văn P (*Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre*); Trương Văn E (*Chi cục trưởng Chi cục bảo vệ môi trường Bến Tre*); Trần Thị Thùy T (*Trưởng Phòng kiểm soát ô nhiễm*); Trần Thanh P (*chuyên viên Phòng kiểm soát ô nhiễm - Chi cục bảo vệ môi trường tỉnh Bến Tre*).

Công ty TNHH sản xuất kinh doanh dịch vụ xây dựng Hồng Việt (viết tắt là Công ty Hồng Việt) được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 12/11/2014, trụ sở tại số 14, đường 15, Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (ngành nghề kinh doanh: Nhập khẩu, tái chế phế liệu, xây dựng, thoát nước và xử lý nước thải...) Cơ sở sản xuất của Công ty Hồng Việt đặt tại ấp Nhơn Nghĩa, xã Nhơn Thạnh, thành

phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, do Lê Hữu Thiêm làm Giám đốc (người đại diện theo pháp luật).

Thực tế, cơ sở sản xuất của Công ty Hồng Việt tại Bến Tre không hoạt động (không có máy móc, thiết bị, công nghệ tái chế phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất). Tuy nhiên, khi nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu của Công ty Hồng Việt, thì Trần Thanh P chỉ thăm tra trên hồ sơ, không kiểm tra thực địa nhưng vẫn soạn thảo Giấy chứng nhận để Trương Văn E kiểm duyệt, trình cho Đoàn Văn P ký, ban hành Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu, số 69/CN-STNMT ngày 12/01/2015 cho Công ty Hồng Việt trái với quy định tại Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15/11/2012 giữa Bộ Công thương và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về điều kiện nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.

Sau đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre thành lập nhiều Đoàn kiểm tra để tiến hành kiểm tra tại cơ sở sản xuất của Công ty Hồng Việt, cụ thể:

+ Ngày 28/12/2015, Đoàn kiểm tra gồm: Đoàn Văn P (Trưởng đoàn); Trương Văn E (Phó đoàn); Trần Thị Thùy T và Trần Thanh P (thành viên). Đoàn đã lập biên bản kiểm tra thể hiện, Công ty Hồng Việt không có thiết bị, công nghệ tái chế phế liệu (được nhập khẩu sử dụng làm nguyên liệu cho sản xuất).

+ Ngày 22/3/2016, Đoàn gồm Đoàn Văn P (Trưởng đoàn); Trương Văn E (Phó đoàn); và Trần Thanh P (thành viên). Đoàn đã lập biên bản kiểm tra thể hiện, Công ty Hồng Việt không có thiết bị, công nghệ tái chế phế liệu nhập khẩu sử dụng làm nguyên liệu cho sản xuất.

+ Ngày 06/4/2016, Đoàn gồm Trương Văn E (Trưởng đoàn) và Trần Thanh P. Đoàn đã lập biên bản kiểm tra thể hiện Công ty Hồng Việt đã bố trí máy móc và tại kho có chứa khoảng 200 kg hạt nhựa, nhưng không lắp ráp máy móc vận hành, không có dây chuyền sản xuất.

Qua kiểm tra, Đoàn Văn P, Trương Văn E, Trần Thị Thùy T, Trần Thanh P biết rõ Công ty Hồng Việt không đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu để sản xuất theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường, nhưng từ ngày 10/11/2015 đến ngày 22/02/2017 Trần Thanh P đã soạn thảo 76 thông báo về lô hàng phế liệu nhập khẩu (Phụ lục 11 hồ sơ kê khai hải quan nhập khẩu); Trần Thị Thùy T sửa 51 thông báo; Trương Văn E duyệt và ký nháy 66 thông báo, để Đoàn Văn P ký ban hành 76 thông báo lô hàng phế liệu nhập khẩu cho Công ty Hồng Việt. Công ty Hồng Việt đã sử dụng số thông báo được cấp để làm thủ tục thông quan

các lô hàng phế liệu nhập khẩu trái với quy định tại Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09/9/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Sau khi cấp các giấy tờ trên cho Công ty Hồng Việt, Đoàn Văn P đã được Lê Hữu Thiêm và Công ty Hồng Việt biểu nhiều lần số tiền tổng cộng 505.000.000 đồng. Trương Văn E nhận được phong bì 6.000.000đ. Trần Thị Thùy T nhận được phong bì 5.000.000đ. Trần Thanh P nhận được phong bì 3.000.000đ.

Trong quá trình điều tra cũng như chuẩn bị xét xử, các bị cáo Đoàn Văn P, Trương Văn E, Trần Thị Thùy T, Trần Thanh P đã nộp lại toàn bộ số tiền hưởng lợi nêu trên để khắc phục hậu quả.

2. Hành vi “Buôn lậu”:

Từ tháng 3/2016 đến ngày 22/02/2017, Lê Hữu Thiêm (Giám đốc - Công ty Hồng Việt) đã chỉ đạo cho Dương Tuấn A (nhân viên quản lý nhận sự và hoạt động kinh doanh của Công ty Hồng Việt) yêu cầu các nhân viên Công ty Hồng Việt sử dụng 76 thông báo về lô hàng phế liệu nhập khẩu đã được Đoàn Văn P và số cán bộ Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Bến Tre (cấp trái quy định pháp luật nêu trên) để lập hồ sơ, mở 259 tờ khai hàng hóa, làm thủ tục nhập khẩu 6.504,661 tấn phế liệu (nhựa) và 2.286,161 tấn phế liệu (sắt, thép), có tổng trị giá 27.289.618.168 đồng từ nước ngoài vào Việt Nam trái phép để bán lại cho các khách hàng trong nước thu lợi.

Ngoài ra, trong thời gian từ ngày 21/12/2015 đến ngày 21/11/2017, dưới sự chỉ đạo của Lê Hữu Thiêm, Dương Tuấn A đã cùng các nhân viên Công ty Hồng Việt gồm Hà Chí Đ, Trần Thị H, Dương Lý Thanh Nhân, Trần Nhật Hương đã sử dụng 485 thông báo về lô hàng phế liệu nhập khẩu (được làm giả và cấp giả), làm giả hợp đồng ngoại thương, giấy ký quỹ... để mở tổng cộng 2.262 tờ khai hải quan, làm thủ tục nhập khẩu trái phép 45.512,496 tấn phế liệu nhựa và 9.401,092 tấn phế liệu sắt, thép tại các cảng thuộc Thành phố Hồ Chí Minh; 7.620 tấn tại các Cảng thuộc tỉnh An Giang và 1.661,948 tấn tại các Cảng thuộc thành phố Hải Phòng, có tổng trị giá 157.814.683.774 đồng từ nước ngoài vào Việt Nam để bán cho các khách hàng trong nước thu lợi.

Trong đó, Dương Tuấn A thực hiện chỉ đạo của Lê Hữu Thiêm đã yêu cầu nhân viên Công ty Hồng Việt soạn thảo các hợp đồng ngoại thương (Sale Contract) giả, hóa đơn thương mại (Invoice) giả, giấy xác nhận ký quỹ giả, lập không 484 thông báo lô hàng phế liệu nhập khẩu để kiểm tra thông quan (sau đó Lê Hữu Thiêm làm giả chữ ký và con dấu), để lập hồ sơ mở 2.006 tờ khai hàng hóa nhập khẩu số phế liệu, làm thủ tục nhập khẩu số phế liệu có trị giá 141.051.363.731 đồng từ nước ngoài vào Việt Nam, bán cho khách hàng trong

nước. Ngoài ra, ban đầu Dương Tuấn A khai nhận: ngoài tiền lương, Tuấn A được hưởng lợi 600.000.000 đồng qua việc hoàn tất hồ sơ nhập khẩu 2.000 Container. Sau này Tuấn A thay đổi lời khai chỉ được hưởng lợi số tiền 300.000.000 đồng (qua việc hoàn tất 1.000 bộ hồ sơ thông quan).

Hà Chí Đ: Làm việc tại Công ty Hồng Việt từ giữa năm 2015 đến cuối tháng 4/2016, Đ được Dương Tuấn A yêu cầu căn cứ vào Vận đơn (Bill of Lading) do khách hàng chuyển đến để làm giả: hóa đơn thương mại (Inyoice), Giấy ký quỹ; Thông lô hàng phế liệu nhập khẩu. Đ đã làm giả 11 thông báo lô hàng phế liệu nhập khẩu bằng hình thức cắt dán nội dung để hoàn tất 13 hồ sơ, làm thủ tục thông quan 270.666 kg phế liệu nhựa nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam, trị giá 581.158.300 đồng. Trước khi nghỉ việc tại Công ty Hồng Việt, Hà Chí Đ đã hướng dẫn cho Trần Thị H việc làm giả các tài liệu trên của Công ty Hồng Việt.

Trần Thị H làm việc tại Công ty Hồng Việt từ ngày 01/4/2016 đến tháng 11/2017, trong đó H được Dương Tuấn A giao cho hoàn thiện hồ sơ khai hải quan đối với hàng phế liệu nhập khẩu của Công ty Hồng Việt từ tháng 5/2016 gồm các tài liệu như: hóa đơn thương mại (Invoice), giấy xác nhận ký quỹ, thông báo lô hàng phế liệu nhập khẩu. H đã hướng dẫn và yêu cầu Trần Nhật Hương, Dương Lý Thanh Nhân cùng thực hiện. Tổng cộng từ tháng 5/2016 đến tháng 11/2017, Trần Thị H đã tự làm và giao cho Trần Nhật Hương, Dương Lý Thanh Nhân cùng làm 540 thông báo lô hàng phế liệu nhập khẩu để đưa vào các bộ hồ sơ để mở 1.924 tờ khai hàng hóa nhập khẩu, thông quan 37.356.633 kg phế liệu nhựa và 8.901.100 kg phế liệu sắt- thép, có tổng trị giá 137.397.810.679 đồng (trong đó H trực tiếp thực hiện mở 123 tờ khai hàng hóa nhập khẩu, thông quan 2.086.089 kg phế liệu nhựa và 971.005 kg phế liệu sắt- thép, có tổng trị giá 8.909.764.683 đồng).

Trần Nhật Hương, Dương Lý Thanh Nhân là nhân viên văn phòng Công ty Hồng Việt có lập khống các hóa đơn thương mại (Invoice), giấy xác nhận ký quỹ, thông báo lô hàng phế liệu nhập khẩu ... theo yêu cầu của Trần Thị H. Cơ quan điều tra xác định chưa đủ căn cứ xác định Trần Nhật Hương, Dương Lý Thanh Nhân đồng phạm với Dương Tuấn A về tội “Buôn lậu”, do Dương Tuấn A không trực tiếp giao việc cho Hương và Nhân; khi lập khống các thông báo lô hàng phế liệu nhập khẩu theo yêu cầu trực tiếp từ H, Hương và Nhân không biết tài liệu mình làm được Dương Tuấn A và Trần Thị H sử dụng cụ thể thế nào. Cả hai chỉ là người làm công hưởng lương.

Vật chứng của vụ án:

+ Hiện đang tạm giữ số tiền 514.000.000 đồng do các bị cáo Đoàn Văn P, Trương Văn E, Trần Thị Thùy T và Trần Thanh P giao nộp để khắc phục hậu quả;

+ Cơ quan điều tra có Lệnh kê biên tài sản số 27, 28/C03-P15 ngày 13/7/2019, giao cho bà Nguyễn Thị Tròn (vợ P) bảo quản cho đến khi có quyết định xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 167/2020/HS-ST ngày 08/6/2020 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã Tuyên xử:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Đoàn Văn P 05 (năm) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/11/2018.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt:

+ Bị cáo Trương Văn E 02 (hai) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/11/2018.

+ Bị cáo Trần Thị Thùy T 01 (một) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Bị cáo Trần Thanh P 01 (một) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt:

+ Bị cáo Dương Tuấn A 10 (mười) năm tù về tội “Buôn lậu”; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/8/2018.

+ Bị cáo Trần Thị H 07 (bảy) năm tù về tội “Buôn lậu”; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Hà Chí Đ 04 (bốn) năm tù về tội “Buôn lậu”; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Đoàn Văn P, Hà Chí Đ không kháng cáo. Ngày 12 và 16/6/2020, các bị cáo Trần Thanh P và Trần Thị Thùy T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo, ngày 22/6/2020 các bị cáo Dương Tuấn A, Trương Văn E có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Trần Thị H có đơn kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm để thay đổi tội danh cho bị cáo từ tội Buôn lậu sang tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Ngày 18/6/2020 Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số 22/QĐ-VKS-P3 với nội dung: Các bị cáo Đoàn Văn P, Trương Văn E và Trần Thanh P biết rõ Công ty Hồng Việt không có máy móc, thiết bị, công nghệ tái chế phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất nên không đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu để sản xuất nhưng Trần Thanh P vẫn soạn thảo 76 thông báo lô hàng phế liệu nhập khẩu để kiểm tra, thông quan; Trương Văn E duyệt ký nháy 66 thông báo trước khi trình Đoàn Văn P ký ban hành. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn và uy tín của các cơ quan, tổ chức; xâm phạm lợi ích của Nhà nước, của xã hội, làm giảm uy tín của các cơ quan Nhà nước, giảm lòng tin của Nhân dân đối với hiệu lực quản lý Nhà nước. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo Đoàn Văn P, Trương Văn E và Trần Thanh P là nhẹ.

Đối với các bị cáo thuộc nhóm tội “Buôn lậu” thì bị cáo Dương Tuấn A là người giúp sức tích cực nhất cho Lê Hữu Thiêm trong việc giúp Thiêm quản lý nhân sự và theo chỉ đạo của Thiêm đã truyền đạt, yêu cầu Trần Thị H, Hà Chí Đ thực hiện làm giả tài liệu, hồ sơ, phục vụ việc buôn lậu phế liệu, ngoài hưởng lương thì Tuấn A còn được Thiêm trả tiền công theo công việc; Các bị cáo Trần Thị H, Hà Chí Đ là người giúp sức tích cực cho Lê Hữu Thiêm và Dương Tuấn A. Tất cả các bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không đúng pháp luật, mức hình phạt đối với các bị cáo Dương Tuấn A, Hà Chí Đ và Trần Thị H là nhẹ.

Đối với khoản tiền thu lợi bất chính của Công ty Hồng Việt: Công ty Hồng Việt đã làm và sử dụng 485 thông báo lô hàng phế liệu nhập khẩu để kiểm tra, thông quan giả cùng các hóa đơn thương mại (Invoice), giấy xác nhận ký quỹ đưa vào hồ sơ, mở 2.262 tờ khai hải quan, làm thủ tục nhập khẩu 45.512.496 kg

nhựa phế liệu (tương ứng 3.890 cont) và 9.401.092kg phế liệu sắt thép (07 cont tại các cảng thuộc Thành phố Hồ Chí Minh; 7.620 tấn tại các cảng thuộc An Giang và 1.661,948 tấn tại các cảng thuộc Thành phố Hải Phòng), trị giá 157.814.683.774 đồng từ nước ngoài vào Việt Nam bán cho khách hàng trong nước. Xác định Công ty Hồng Việt được hưởng lợi bất chính 58.889.336.360 đồng ($3.890\text{cont} \times 15 \text{ triệu đồng/cont} + 07 \text{ cont} \times 6 \text{ triệu đồng/cont} + 7.620 \text{ tấn} \times 50.000 \text{ đồng/tấn} + 1.661,948 \text{ tấn} \times 70.000 \text{ đồng/tấn} = 58.889.336.360 \text{ đồng}$). Xác minh tại Chi cục thuế Quận 4, đến nay Công ty Hồng Việt chưa đăng ký giải thể.

Đề nghị Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng hủy việc áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Dương Tuấn A, Trần Thị H và Hà Chí Đ. Tăng hình phạt đối với các bị cáo Đoàn Văn P, Trương Văn E, Trần Thanh P, Dương Tuấn A, Trần Thị H và Hà Chí Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các bị cáo Trần Thanh P, Trần Thị Thùy T giữ nguyên kháng cáo xin hưởng án treo, các bị cáo Dương Tuấn A, Trương Văn E giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Trần Thị H thay đổi kháng cáo từ đề nghị hủy án sơ thẩm sang xin giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo đã nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, giúp sức cho bị cáo Dương Tuấn A.

Bị cáo Dương Tuấn A và Trần Thị H xuất trình tình tiết giảm nhẹ mới, cụ thể: Gia đình bị cáo Dương Tuấn A đã nộp 200.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính thay cho bị cáo. Bị cáo Trần Thị H xuất trình giấy xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi con nhỏ, có ông ngoại và cậu ruột là người có công với cách mạng.

Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm phát biểu: Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa thấy rằng; Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Đoàn Văn P, Trương Văn E, Trần Thanh P, Trần Thị Thùy T phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo điểm b khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ đúng pháp luật. Trong vụ án này bị cáo P có vai trò chính quyết định việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu cho Công ty Hồng Việt và cấp 76 thông báo về lô hàng phế liệu nhập khẩu, các bị cáo E, P và T tham gia với vai trò giúp sức tích cực cho P. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt P mức án 05 năm tù, E mức án 02 năm tù và P mức án 01 năm tù là nhẹ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét

xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo E, không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo T và P. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tăng hình phạt đối với bị cáo P, bị cáo E và bị cáo P. Đề nghị xử phạt bị cáo P mức án từ 07 đến 08 năm tù; xử phạt bị cáo E từ 05 đến 06 năm tù; xử phạt bị cáo P từ 04 đến 05 năm tù.

Đối với các bị cáo Dương Tuấn A, Hà Chí Đ và Trần Thị H có hành vi làm giả tài liệu, hồ sơ, phục vụ việc nhập khẩu phế liệu để bán lại kiếm lời. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Dương Tuấn A, Trần Thị H phạm tội “Buôn lậu” theo điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự và bị cáo Hà Chí Đ phạm tội “Buôn lậu” theo điểm a khoản 3 Điều 188 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Trong đó bị cáo Tuấn A có vai trò giúp sức tích cực nhất cho Lê Hữu Thiêm, thay Thiêm chỉ đạo toàn bộ Công ty Hồng Việt trong quá trình nhập khẩu phế liệu, các bị cáo Hà Chí Đ, Trần Thị H giúp sức tích cực cho Lê Hữu Thiêm và Dương Tuấn A, số lượng hàng hóa các bị cáo buôn lậu là đặc biệt lớn. Các bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tăng hình phạt đối với các bị cáo Dương Tuấn A, Trần Thị H và Hà Chí Đ. Đề nghị xử phạt bị cáo Dương Tuấn A mức án từ 15 đến 16 năm tù; xử phạt bị cáo Trần Thị H từ 12 đến 13 năm tù; xử phạt bị cáo Hà Chí Đ từ 11 đến 12 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện Công ty Hồng Việt thu lợi bất chính 58.889.336.360 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng Kết luận điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra xác định Công ty Hồng Việt thu lợi “khoảng” không phải là con số chính xác, chưa xác định Công ty Hồng Việt còn hoạt động hay không để thực hiện việc thu hồi số tiền thu lợi bất chính từ hoạt động buôn lậu của Công ty Hồng Việt là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc Công ty Hồng Việt phải nộp số tiền thu lợi bất chính 58.889.336.360 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu:

- Luật sư trình bày bào chữa cho bị cáo Dương Tuấn A: Bị cáo Tuấn A không phải là kẻ chủ mưu, cầm đầu, bị cáo chỉ là người làm công cho Lê Hữu Thiêm, thực hiện theo sự chỉ đạo của Thiêm. Bị cáo không tham gia lập hồ sơ nhập khẩu phế liệu, việc lập hồ sơ nhập khẩu phế liệu đều do Đ và H làm, tất cả các nhân viên trong công ty đều do Thiêm chỉ đạo. Bị cáo Tuấn A không chỉ đạo cho các bị cáo khác làm hồ sơ nhập khẩu. Việc các bị cáo H, Đ khai Tuấn A chỉ đạo làm giả hồ sơ nhập khẩu phế liệu là không đúng. Bị cáo Tuấn A tham gia

với vai trò giúp sức nhưng không đáng kể, mọi hoạt động nhập khẩu phế liệu đều do Thiêm điều hành, chỉ đạo, bị cáo Tuấn A không được Thiêm chia cho 300.000.000 đồng. Thiêm chỉ hứa hẹn với Tuấn A là trả tiền công cho Tuấn A 300.000 đồng/1 cont nhưng chưa trả. Cơ quan điều tra chỉ nêu lên rằng Dương Tuấn A lúc thì được hưởng lợi 600.000.000 đồng, lúc thì hưởng lợi 300.000.000 đồng mà không có căn cứ nào khác nên không đủ cơ sở để kết luận Tuấn A được hưởng lợi 300.000.000 đồng. Bản chất của vụ án là Công ty Hồng Việt không đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu nhưng Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre vẫn cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu là sai và các bị cáo trong vụ án này không biết việc nhập khẩu của Công ty Hồng Việt là sai. Tại phiên tòa bị cáo Tuấn A có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng lại bị đề nghị tăng hình phạt là không đúng. Cả ba bị cáo Tuấn A, H và Đ đều có vai trò như nhau nhưng bị cáo Tuấn A bị xử phạt 10 năm tù là không công bằng. Kháng nghị của Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị tăng hình phạt đối với cả ba bị cáo trong nhóm tội buôn lậu là quá nghiêm khắc do các bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình điều tra vụ án giúp cơ quan điều tra nhanh chóng làm sáng tỏ, kết thúc vụ án sớm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt ba bị cáo này mức án từ 03 đến 07 năm tù. Bị cáo Tuấn A có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình đã nộp thay cho bị cáo 200.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Luật sư trình bày bào chữa cho bị cáo Trần Thị H: Bị cáo vào Công ty Hồng Việt làm thì được người làm trước đó là Hà Chí Đ hướng dẫn, bị cáo không biết việc làm giả các giấy tờ, thông báo trong bộ hồ sơ nhập khẩu phế liệu là vi phạm pháp luật vì bị cáo chỉ được hướng dẫn làm như thế, bị cáo chỉ là người làm công ăn lương, không được hưởng lợi gì. Hành vi của bị cáo có dấu hiệu của tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Viện kiểm sát đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo H là nặng vì quá trình điều tra bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để nhanh chóng làm rõ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ là hoàn cảnh gia đình khó khăn, nuôi con nhỏ, có bà ngoại và cậu ruột là người có công với nước để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Luật sư trình bày bào chữa cho bị cáo Hà Chí Đ: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Đ mức án 04 năm tù là phù hợp với vai trò của bị cáo, bị cáo chỉ là người giúp sức cho bị cáo Tuấn A và bị cáo Thiêm, bị cáo không được hưởng lợi ích vật chất gì. Kháng nghị của Viện kiểm sát đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Đ là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng nghị của Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh.

- Luật sư trình bày bào chữa cho bị cáo Trương Văn E: Kháng nghị của Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo E là không có căn cứ vì giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu là do P ký ban hành, bị cáo E không biết việc này. Việc bị cáo E ký 66 thông báo lô hàng phế liệu nhập khẩu là không quan trọng vì đây chỉ là thủ tục hành chính bình thường, khi tham gia các đoàn kiểm tra, tuy biết Công ty Hồng Việt không đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu nhưng do bị cáo P là lãnh đạo chỉ đạo nên bị cáo nể nang đã ghi vào biên bản kiểm tra là cho Công ty Hồng Việt khắc phục. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo là chưa đủ vì bị cáo còn có các tình tiết giảm nhẹ khác theo điểm x, v, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự (Bị cáo có cha ruột được tặng thưởng huy chương kháng chiến, chú ruột là liệt sĩ; bị cáo được tặng thưởng nhiều giấy khen, bằng khen; bị cáo tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra để giải quyết nhanh chóng vụ án). Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát.

- Luật sư trình bày bào chữa cho bị cáo Trần Thị Thùy T: Bị cáo T không bị Viện kiểm sát kháng nghị, theo quy trình thì việc cấp thông báo thì Công ty Hồng Việt gửi giấy thông báo cho Sở Tài nguyên Môi trường ký duyệt, cơ sở để được cấp thông báo đó là giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu. Thông báo này trên cơ sở giấy chứng nhận nếu phù hợp thì Sở ký duyệt thông báo. Việc bị cáo T duyệt các thông báo lô hàng phế liệu nhập khẩu thì không phải là hành vi làm trái công vụ vì Công ty Hồng Việt đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu. Bị cáo T chỉ có sai phạm là sau khi kiểm tra thực tế Công ty Hồng Việt thì thấy không có các máy móc, thiết bị, không đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu thì cũng chỉ bị xử lý hành chính. Giả sử kết tội bị cáo là đúng thì bị cáo cũng chỉ phạm tội 01 lần vì là cấp dưới, phụ thuộc cấp trên nên từ đó đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo.

- Luật sư trình bày bào chữa cho bị cáo Trần Thanh P: Thống nhất về tội danh như án sơ thẩm đã tuyên, bị cáo chỉ kháng cáo xin được hưởng án treo: Bị cáo tham gia vụ án với vai trò là đồng phạm, bị cáo chỉ là chuyên viên, phụ thuộc cấp trên, bị cáo chỉ là người soạn thảo 76 thông báo lô hàng phế liệu nhập khẩu nhưng việc quyết định là do cấp trên. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vì mục đích tư lợi và do có mối quan hệ quen biết Lê Hữu Thiêm, giám đốc Công ty TNHH sản xuất kinh doanh dịch vụ xây dựng Hồng Việt (viết tắt là Công ty Hồng Việt) nên các bị cáo Đoàn Văn P, Trương Văn E, Trần Thanh P và Trần Thị Thùy T đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ trong việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu, cấp thông báo về lô hàng phế liệu nhập khẩu cho Công ty Hồng Việt. Cụ thể:

[2] Đoàn Văn P biết rõ cơ sở sản xuất của Công ty Hồng Việt tại ấp Nhơn Nghĩa, xã Nhơn Thạnh, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre không có thiết bị, công nghệ tái chế phế liệu nhập khẩu sử dụng làm nguyên liệu cho sản xuất nhưng bị cáo P vẫn ký ban hành Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu số 69/CN-STNMT ngày 12/01/2015 cho Công ty Hồng Việt. Quá trình kiểm tra, phúc tra cơ sở sản xuất của Công ty Hồng Việt thì bị cáo P biết rõ Công ty Hồng Việt không có thiết bị, công nghệ tái chế phế liệu nhập khẩu sử dụng làm nguyên liệu cho sản xuất nhưng P vẫn tiếp tục ký ban hành 76 thông báo cho Công ty Hồng Việt nhập khẩu phế liệu trái với thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09/9/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đoàn Văn P đã được Lê Hữu Thiêm biếu tiền nhiều lần với tổng số tiền 505.000.000 đồng.

[3] Mặc dù chưa kiểm tra thực tế cơ sở sản xuất của Công ty Hồng Việt nhưng trong ngày 26 và 27/11/2015 Trương Văn E vẫn duyệt ký nháy 07 dự thảo thông báo cho Công ty Hồng Việt để Đoàn Văn P ký ban hành. Ngoài ra trong những lần Trương Văn E tham gia Đoàn kiểm tra cơ sở sản xuất của Công ty Hồng Việt vào các ngày 28/11/2015, ngày 23/3/2016 và 22/3/2017 và biết rõ Công ty Hồng Việt không đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu nhưng khi Đoàn Văn P chỉ đạo các thành viên trong đoàn kiểm tra tạo điều kiện cho Công ty Hồng Việt hoạt động thì Trương Văn E đã kết luận Công ty Hồng Việt đã bố trí kho, máy móc, đảm bảo sử dụng phế liệu để sản xuất. Từ ngày 29/12/2015 đến ngày 22/3/2016 Trương Văn E đã duyệt, ký nháy 23 thông báo để Đoàn Văn P duyệt, ký ban hành cho Công ty Hồng Việt. Từ ngày 23/3/2016 đến 07/4/2016 Trương Văn E đã duyệt, ký nháy 03 thông báo để Đoàn Văn P duyệt, ký ban hành cho Công ty Hồng Việt và từ ngày 07/4/2016 đến ngày 22/02/2017 Trương Văn E đã duyệt, ký nháy 33 thông báo để Đoàn Văn P duyệt, ký ban hành cho Công ty Hồng Việt. Trương Văn E hưởng lợi số tiền 6.000.000 đồng.

[4] Trần Thị Thùy T tham gia đoàn kiểm tra cơ sở sản xuất của Công ty Hồng Việt và biết rõ Công ty Hồng Việt không đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu nhưng vẫn duyệt các bản dự thảo thông báo do Trần Thanh P soạn thảo, chuyển cho bộ phận văn thư trình lãnh đạo Chi cục bảo vệ môi trường Bến Tre duyệt, ký nháy sau đó qua bộ phận văn thư trình Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre duyệt, ký ban hành cho Công ty Hồng Việt trái quy định của

pháp luật. T đã duyệt nội dung 51 bản dự thảo thông báo và hưởng lợi số tiền 5.000.000 đồng.

[5] Trần Thanh P khi nhận được bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận của Công ty Hồng Việt thì chỉ kiểm tra về mặt hồ sơ, không kiểm tra thực tế cơ sở sản xuất của Công ty Hồng Việt nhưng vẫn dự thảo giấy chứng nhận cấp cho Công ty Hồng Việt trình Mai Thượng Hanh – Trưởng phòng kiểm soát ô nhiễm, duyệt nội dung để trình lãnh đạo Chi cục Bảo vệ Môi trường Bến Tre duyệt và trình lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre ký, ban hành trái với quy định của pháp luật. Khi tham gia đoàn kiểm tra Trần Thanh P biết rõ Công ty Hồng Việt không đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu nhưng vẫn dự thảo các thông báo để Trần Thị Thùy T duyệt, trình lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường Bến Tre duyệt, ký nháy và trình Đoàn Văn P, ký ban hành cho Công ty Hồng Việt trái với quy định của pháp luật. Trần Thanh P đã dự thảo 76 thông báo và hưởng lợi số tiền 3.000.000 đồng.

[6] Sau khi có giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp, Dương Tuấn A được Giám đốc Lê Hữu Thiêm giao cho quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty Hồng Việt, đã chỉ đạo nhân viên Công ty Hồng Việt, gồm: Hà Chí Đ, Trần Thị H và các đối tượng có liên quan làm giả các tài liệu của bộ hồ sơ hải quan để thông quan lô hàng phế liệu, gồm 485 thông báo giả của Sở Tài nguyên và Môi trường; các hợp đồng ngoại thương; hóa đơn thương mại; hóa đơn vận tải; giấy xác nhận ký quỹ để đưa vào 2.268 Bộ hồ sơ để hoàn tất thủ tục nhập khẩu 45.898.042 kg nhựa phế liệu và 11.187.261 kg sắt phế liệu, có tổng trị giá 157.814.683.774 đồng từ nước ngoài vào Việt Nam để bán cho khách hàng trong nước thu lợi bất chính.

[7] Việc làm giả thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường, giấy xác nhận ký quỹ, các hợp đồng ngoại thương, hóa đơn vận tải, hóa đơn thương mại được các bị cáo làm giả để nhập khẩu phế liệu như sau:

[7.1] Giai đoạn trước tháng 6.2016, hải quan một số cửa khẩu không yêu cầu xuất trình bản chính thông báo. Việc làm giả thông báo (bản phô tô có xác nhận của doanh nghiệp) được Tuấn A chỉ đạo Hà Chí Đ, Trần Thị H làm với cách thức: Scan mẫu thông báo, sau đó sử dụng máy vi tính chuyển sang bản word rồi căn cứ vào hóa đơn thương mại do khách hàng trong nước hoặc hãng tàu cung cấp, tự điền các thông tin lô hàng vào, in ra, sau đó đóng dấu treo của Công ty Hồng Việt và đưa vào bộ hồ sơ hải quan để thông quan. Giai đoạn từ tháng 6/2016 đến tháng 11/2017, hải quan các cửa khẩu đều yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu. Việc làm và cấp thông báo giả được Tuấn A chỉ đạo

Trần Thị H sau này là Dương Lý Thanh Nhân, Trần Nhật Hương căn cứ vào thông tin của hóa đơn vận tải, hoặc hóa đơn thương mại (Bill/Invoice) để lập thông báo (phụ lục 12) theo mẫu có sẵn trên máy tính với các nội dung thông tin về “ Tên hàng”, “Mã HS”. “Số hợp đồng”, “Số Bill”, “Khối lượng nhập khẩu”, rồi in ra. Sau đó, Tuấn A đưa bản thảo thông báo cho ông Thiêm để chuyển cho Đoàn Văn P ký, đóng dấu của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre.

[7.2] Dương Tuấn A được Lê Hữu Thiêm giao quản lý nhân sự và tham gia hoạt động kinh doanh của Công ty Hồng Việt từ tháng 3/2016 đến ngày 21/11/2017. Theo chỉ đạo của Thiêm, Tuấn A đã yêu cầu Hà Chí Đ, Trần Thị H làm giả và sử dụng thông báo lô hàng phế liệu nhập khẩu (đã được làm giả) để làm giả, lập khống hóa đơn thương mại (Invoice), giấy xác nhận ký quỹ và các tài liệu khác về hàng hóa là phế liệu, mở 2.006 tờ khai hải quan thông quan, làm thủ tục nhập khẩu số hàng hóa là phế liệu có tổng trị giá 141.051.363.731 đồng; ngoài ra Dương Tuấn A còn được hưởng lợi là 300.000.000 đồng (Tuấn A tự thừa nhận).

[8] Hà Chí Đ tham gia thực hiện hành vi buôn lậu tại Công ty Hồng Việt từ tháng 3/2015 đến tháng 4/2016, theo yêu cầu của Tuấn A, Đ đã tham gia lập khống hóa đơn thương mại (Invoice), giấy xác nhận ký quỹ, thông báo lô hàng phế liệu nhập khẩu... để mở tờ khai hải quan, làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa là phế liệu từ nước ngoài vào Việt Nam tiêu thụ tại Công ty Hồng Việt. Trong đó, Hà Chí Đ đã trực tiếp làm giả 11 thông báo lô hàng phế liệu nhập khẩu, để mở 13 tờ khai hàng hóa nhập khẩu, thông quan 270.666 kg phế liệu nhựa có trị giá 581.158.300 đồng.

[9] Trần Thị H tham gia thực hiện hành vi buôn lậu tại Công ty Hồng Việt từ 5/2016 đến tháng 11/2017, theo yêu cầu của Dương Tuấn A và được sự hướng dẫn của Hà Chí Đ (trước khi Đ nghỉ việc) H đã tham gia làm và yêu cầu Trần Nhật Hương, Dương Lý Thanh Nhân (là nhân viên văn phòng Công ty Hồng Việt) lập khống hóa đơn thương mại (Invoice), giấy xác nhận ký quỹ, thông báo lô hàng phế liệu nhập khẩu ...để mở tờ khai hải quan, làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa là phế liệu từ nước ngoài vào Việt Nam tiêu thụ. Trong đó Trần Thị H trực tiếp tham gia và yêu cầu Trần Nhật Hương, Dương Lý Thanh Nhân tham gia làm tổng cộng 450 thông báo lô hàng phế liệu nhập khẩu, mở 1.924 tờ khai hàng hóa nhập khẩu, thông quan 37.356,633 tấn phế liệu nhựa và 8.901,100 tấn phế liệu sắt - thép, có tổng trị giá 137.397.810.679 đồng.

[10] Quá trình điều tra, xét xử các bị cáo khai nhận diễn biến hành vi phạm tội như nêu trên. Hành vi của các bị cáo Đoàn Văn P, Trương Văn E, Trần Thị Thùy T và Trần Thanh P là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động

đúng đắn của các Cơ quan Nhà nước; xâm hại lợi ích của Nhà nước, của xã hội; làm giảm uy tín của cơ quan Nhà nước, giảm lòng tin của Nhân dân đối với hiệu lực quản lý Nhà Nước. Hành vi của các bị cáo này đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” Do các bị cáo thực hiện nhiều lần trong một thời gian dài nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm b khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có cứ, đúng pháp luật. Hành vi của các bị cáo Dương Tuấn A, Trần Thị H và Hà Chí Đ là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong việc xuất, nhập khẩu hàng hóa. Hành vi của các bị cáo này đã đủ yếu tố cấu thành tội “Buôn lậu”. Do trị giá hàng hóa các bị cáo Tuấn A và Trần Thị H buôn lậu là đặc biệt lớn nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “vật phạm pháp trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên” theo điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật. Đối với bị cáo Hà Chí Đ tham gia buôn lậu hàng hóa là phế liệu có trị giá 581.158.300 đồng, do đó Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết “vật phạm pháp trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng” theo điểm a khoản 3 Điều 188 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[11] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Dương Tuấn A, Trương Văn E, Trần Thị H và kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Trần Thanh P, Trần Thị Thùy T, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[11.1] Đối với các bị cáo thuộc nhóm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” gồm Trương Văn E, Trần Thanh P và Trần Thị Thùy T, các bị cáo này tham gia với vai trò đồng phạm, giúp sức tích cực, các bị cáo là những người trực tiếp thẩm tra hồ sơ, cũng như kiểm tra thực tế đối với Công ty Hồng Việt và biết rõ Công ty Hồng Việt không đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu nhưng các bị cáo vẫn cố ý làm trái công vụ kết luận Công ty Hồng Việt đã bố trí kho, máy móc, đảm bảo sử dụng phế liệu để sản xuất. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá vai trò, tính chất hành vi cũng như hậu quả của tội phạm, từ đó xử phạt bị cáo E 02 năm tù, bị cáo P và T mỗi bị cáo 01 năm tù là phù hợp vì vậy không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo E, cũng như cho các bị cáo P, T hưởng án treo.

[11.2] Đối với các bị cáo thuộc nhóm tội “Buôn lậu” gồm Dương Tuấn A, Trần Thị H thì thấy rằng: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm, trong đó Lê Hữu Thiêm là kẻ chủ mưu cầm đầu toàn bộ hoạt động nhập khẩu phế liệu, các bị cáo Tuấn A và H tham gia với vai trò đồng phạm, giúp sức; bị cáo Dương Tuấn A giúp sức tích cực nhất cho Lê Hữu Thiêm trong việc quản lý nhân sự, điều hành

hoạt động buôn lậu theo sự chỉ đạo của Thiêm đã truyền đạt, yêu cầu Trần Thị H, Hà Chí Đ thực hiện làm giả tài liệu, hồ sơ, phục vụ việc buôn lậu phế liệu, ngoài việc hưởng lương thì Tuấn A còn được Thiêm trả tiền công theo việc. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Dương Tuấn A 10 năm tù là không nặng nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo Trần Thị H tham gia với vai trò đồng phạm, giúp sức cho Dương Tuấn A và Hà Chí Đ làm theo sự hướng dẫn của bị cáo Hà Chí Đ, bị cáo là nhân viên, cấp dưới của Dương Tuấn A nên bị lệ thuộc, bản thân bị cáo chỉ là người làm công ăn lương, không được hưởng lợi ích vật chất gì. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo H 07 năm tù là phù hợp, không nặng.

[12] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Dương Tuấn A, Hà Chí Đ, Trần Thị H và tăng hình phạt đối với cáo bị cáo Đoàn Văn P, Trương Văn E, Trần Thanh P, Dương Tuấn A, Hà Chí Đ và Trần Thị H, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[12.1] Bị cáo Đoàn Văn P tuy là kẻ có vai trò chính trong nhóm tội “lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” nhưng xét bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra, xét xử đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã nộp lại tiền thu lợi bất chính khắc phục hậu quả; bị cáo P được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng ba, được Chủ tịch UBND tỉnh Bến tre tặng nhiều bằng khen do có thành tích xuất sắc trong công tác, thuộc gia đình có công cách mạng có bà nội là bà mẹ Việt Nam anh hùng, có ông nội là liệt sĩ, có cha mẹ đều là thương binh 4/4, đây là các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b,s,v khoản 1, khoản Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo P 05 năm tù là mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp, không nhẹ. Đối với các bị cáo E và P như đoạn [11.1] đã phân tích các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức, mang tính phụ thuộc giữa cấp dưới với cấp trên khi thực hiện nhiệm vụ công vụ được giao có phần hạn chế, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo E 02 năm tù, bị cáo P 01 năm tù là thỏa đáng.

[12.2] Đối với các bị cáo Dương Tuấn A, Hà Chí Đ và Trần Thị H như đoạn [11.2] phân tích các bị cáo này đều tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức, trong đó Tuấn A và Đ giúp sức cho kẻ chủ mưu, cầm đầu là Lê Hữu Thêm, bị cáo H giúp sức cho Tuấn A và Đ; các bị cáo này đều có 02 tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là “thành khẩn khai báo” và “ăn năn hối cải”, có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo

này dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có căn cứ. Tại phiên Tòa hôm nay bị cáo Tuấn A và bị cáo H có xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là bị cáo Tuấn A đã nộp một phần tiền thu lợi bất chính (200.000.000 đồng), bị cáo H có hoàn cảnh gia đình khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương), đang nuôi con nhỏ, có ông ngoại, cậu ruột là người có công với cách mạng. Xét mức án 10 năm tù đối với Tuấn A, 07 năm tù đối với bị cáo H là phù hợp đúng với vai trò của từng bị cáo, không nhẹ, vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Tuấn A và H.

[13] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát Nhân dân Thanh phố Hồ Chí Minh đề nghị buộc Công ty TNHH sản xuất kinh doanh dịch vụ xây dựng Hồng Việt nộp số tiền thu lợi bất chính 58.889.336.360 đồng, thấy rằng: Trong quá trình điều tra, xét xử, cấp sơ thẩm đã không đưa Công ty TNHH sản xuất kinh doanh dịch vụ xây dựng Hồng Việt vào tham gia tố tụng là thiếu sót vì từ năm 2018 đến nay Công ty Hồng Việt tuy không còn hoạt động nhưng chưa đăng ký giải thể, vì vậy tại phiên tòa phúc thẩm không thể buộc Công ty Hồng Việt nộp số tiền này. Hơn nữa theo Bản Kết luận điều tra bổ sung số 104/C03-P15 ngày 30 tháng 11 năm 2019 xác định: Căn cứ kết quả điều tra, lời khai của bị can và những người có liên quan thì Công ty Hồng Việt được hưởng lợi khoảng 58.889.336.360 đồng. Như vậy chưa xác định cụ thể số tiền mà chỉ xác định là “khoảng” nên chưa đủ căn cứ kết luận chính xác về số tiền hưởng lợi bất chính của Công ty Hồng Việt. Nội dung này cấp sơ thẩm chưa giải quyết cho nên cấp phúc thẩm không thể chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, để có căn cứ xác định cụ thể số tiền mà Công ty Hồng Việt hưởng lợi thì cần tiếp tục kiến nghị Cơ quan điều tra làm rõ, đồng thời cũng kiến nghị cơ quan cảnh sát điều tra làm rõ trách nhiệm của các cán bộ Hải quan khi tiếp nhận làm thủ tục thông quan đối với các lô hàng nhập khẩu phế liệu của Công ty Hồng Việt.

[14] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Dương Tuấn A, Trần Thị H, Trương Văn E, Trần Thị Thùy T, Trần Thanh P phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[15] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng nghị số 22/QĐ-VKS-P3 ngày 18-6-2020 của Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Dương Tuấn A, Trần Thị H, Trương Văn E.

3. Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Trần Thanh P, Trần Thị Thùy T.

Giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Đoàn Văn P, Dương Tuấn A, Trương Văn E, Trần Thanh P, Trần Thị H, Hà Chí Đ và Trần Thị Thùy T.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Đoàn Văn P 05 (năm) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/11/2018.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trương Văn E 02 (hai) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. (Bị cáo Trương Văn E đã chấp hành xong)

Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh P 01(một) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Thùy T 01 (một) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Dương Tuấn A 10 (mười) năm tù về tội “Buôn lậu”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/8/2018.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị H 07 (Bảy) năm tù về tội “Buôn lậu”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Hà Chí Đ 04 (bốn) năm tù về tội “Buôn lậu”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các Bị cáo Dương Tuấn A, Trương Văn E, Trần Thị Thùy T, Trần Thị H và Trần Thanh P phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Văn

Trần Thị Thu Thủy

Hoàng Minh Thịnh

Nơi nhận:

- Tòa án Nhân dân Tối cao;
- VKSND Cấp cao tại TP. HCM;
- Trại tạm giam CA TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Sở tư pháp TP. HCM;
- Bị cáo;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Thịnh